

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2021/HSST
Ngày 19 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Hữu Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Đào;
Ông Cẩm Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn A, sinh ngày 03/11/1996. Nơi cư trú: Bản BH 2, xã TP, huyện PY, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông Lò Văn A1 và bà Hoàng Thị A2; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện PY, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản; Năm 2015, bị Tòa án nhân dân huyện PY, tỉnh Sơn La xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp tài sản (đã xóa án tích); Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Văn B, sinh ngày 26/10/1989. Nơi cư trú: Bản BH 1, xã TP, huyện PY, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông Hà Văn B1 và bà Hoàng Thị B2; Bị cáo có vợ là Phàng Thị B3 và có 01 con (sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Phàng Lao C, sinh ngày 16/3/1992. Nơi cư trú: Bản PK 1, xã CT, huyện YC, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng

phái đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 01 ngày 04/8/2020 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy YC, Sơn La; Con ông Phàng Lao C1 và bà Giàng Thị C2; Bị cáo có vợ là Lìa Thị C3 và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Như D, sinh ngày 06/10/1990. Nơi ĐKKHKT: Tổ 2, phường CS, thành phố S, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; Con ông Phạm Văn D1 và bà Phạm Kim D2; Bị cáo có vợ là Phạm Thị D3 (đã ly hôn) và có 01 con (sinh năm 2014); Tiền sự: Không; Tiền án: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 05 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn A:** Luật sư Nguyễn A Vũ – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn B:** Luật sư Đỗ Văn Thuận – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Phàng Lao C:** Luật sư Phan Ngọc Thắng – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Như D:** Luật sư Trần Minh Huân – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Phàng Lao E, sinh năm: 1997. Nơi cư trú: Bản PK 1, xã CT, huyện YC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 50 phút, ngày 23/7/2020, tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự, xã hội Công an thành phố S làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 3, phường QT, thành phố S phát hiện, bắt quả tang Lò Văn A, sinh năm 1996 và Hà Văn B, sinh năm 1989, đều trú tại xã TP, huyện PY, tỉnh Sơn La về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lò Văn A và Hà Văn B, vật chứng thu giữ gồm:

- Thu trong túi quần của Hà Văn B: 05 túi ni lon màu xanh, bên trong có chứa các viên nén màu hồng dạng hình tròn (*B và A khai nhận là ma túy hồng phiến, để bán*).

Ngoài ra còn tạm giữ của Hà Văn B 01 chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 26N1-032.32; tạm giữ

của Lò Văn A 01 chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia.

Mở rộng điều tra, cùng ngày 23/7/2020, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, khám xét chỗ ở của Phàng Lao C, tại bản PK 1, xã CT, huyện YC, kết quả thu giữ 01 biển kiểm soát của xe máy 26D1-205.96.

Căn cứ vào lời khai của các bị can, ngày 03/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, khám xét chỗ ở của Phạm Như D, sinh ngày 06/10/1990, ĐKHKTT: tổ 2, phường CS, thành phố S, chỗ ở hiện tại: tổ 3, phường QT, thành phố S), kết quả không thu giữ đồ vật tài sản gì liên quan đến vụ án.

Ngày 23/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định, kết quả: 05 túi nilon bên trong chứa 863 viên nén màu hồng, có khối lượng 81,20 gam trích lấy 25 viên có khối lượng 2,52 gam làm mẫu giám định ký hiệu từ PT1 đến PT5.

Tại bản Kết luận giám định số 1224, ngày 24/7/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu từ PT1 đến PT5 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine, khối lượng của các mẫu gửi giám định là 2,52gam. Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ được là 81,20 gam, loại chất Methamphetamine”

Quá trình điều tra Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C và Phạm Như D khai nhận như sau:

Năm 2016, 2017, Phạm Như D và Lò Văn A cùng cải tạo tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La nên quen biết nhau. Năm 2018, D và A chấp hành xong hình phạt tù trở về địa A sinh sống.

Khoảng giữa tháng 7/2020, A gọi điện cho D hỏi có mua hồng phiến không? D nói không có tiền mua, A bảo D hỏi xem có ai muốn mua hồng phiến A sẽ đem đến bán cho, D bảo để hỏi xem có ai mua thì sẽ thông báo sau.

Khoảng 20 giờ 50 phút, ngày 21/7/2020, Lò Văn A điều khiển xe máy BKS 26D1 - 205.96 từ nhà ở bản BH 1, xã TP, huyện PY đến nhà Hà Văn B ở bản BH 2, xã TP, huyện PY, rủ B đi mua ma túy về bán kiếm lời, B đồng ý. A điều khiển xe máy chở B đi đến nhà Phàng Lao C, ở bản PK 1, xã CT, huyện YC (là em họ của vợ B) ngủ qua đêm tại nhà C. Sáng ngày 22/7/2020, A nhờ C mang chiếc xe máy BKS 26D1- 205.96 của A đi đổi lấy 05 túi hồng phiến, hứa sau khi bán được hồng phiến sẽ trả tiền công 1.000.000 đồng, C đồng ý. Do biển kiểm soát xe máy bị gãy nên C cắt chiếc biển kiểm soát trên nóc tủ quần áo của gia đình nhà C. Sau đó, một mình C điều khiển xe máy của A đến bản TR, xã CK, huyện MC tìm mua ma túy. Tại đây, C gặp một người đàn ông tự giới thiệu tên là L (người Lào, C không biết địa chỉ cụ thể của L). Qua trao đổi, thỏa

thuận C đổi chiếc xe máy cho L lấy 05 túi hồng phiến. Trao đổi xong, L lấy xe máy đi về hướng bên Lào còn C mang 05 túi hồng phiến đi về nhà.

Trong thời gian chờ C đem xe máy đi đổi lấy ma túy, A gọi điện hỏi Phạm Như D có mua hồng phiến không? D nói không có tiền mua. A bảo D hỏi xem có ai muốn mua hồng phiến, A sẽ đem đến bán, D đồng ý và nói để hỏi xem nếu có người mua hồng phiến sẽ gọi điện thông báo. Sau đó, D gọi điện qua zalo cho một người phụ nữ có tên HL ở tổ 9, phường QT, thành phố S (*do trước đó D đã 02 lần mua hồng phiến của HL để sử dụng*) hỏi có mua hồng phiến không? HL hỏi giá bao nhiêu một túi hồng phiến. D gọi điện lại cho A hỏi giá bán 01 túi hồng phiến, A báo giá 6.000.000 đồng/1 túi. Trao đổi xong, D gọi điện qua zalo cho HL báo giá 6.500.000 đồng/1 túi (*mục đích để lấy tiền lãi 500.000 đồng/1 túi hồng phiến*), HL đồng ý mua. Sau đó, D gọi điện báo A mang hồng phiến đến khu vực cổng trường Đại học Tây Bắc, gọi điện D sẽ đến đón đưa đi bán ma túy.

Khoảng 19 giờ ngày 22/7/2020, C đem 05 túi hồng phiến về đến nhà đưa cho A cất giữ. A bảo B mượn xe máy để mang hồng phiến đến thành phố S bán. B đi mượn xe máy BKS 26N1 - 032.32 của Phàng Lao E (em họ của vợ của B) chở A đến bến xe khách thành phố S thì A đưa 05 túi hồng phiến cho B cất vào túi quần và đổi lái với B điều khiển xe máy chở B đi đến cổng trường Đại học Tây Bắc thuộc tổ 3, phường QT, thành phố S thì gọi điện báo D đến đón và bảo B điều khiển xe máy ra chỗ khác chờ. Một lúc sau, D đi xe đạp điện đến đưa A vào dãy nhà nơi D đang thuê phòng trọ ở tổ 3, phường QT, thành phố S. Đến nhà trọ, A nói có 05 túi hồng phiến và hỏi D có sẵn tiền chưa thì D bảo để gọi điện cho người mua. Lúc này D gọi điện qua zalo cho HL nói có 05 túi hồng phiến đã đem đến thành phố S. HL báo hiện chưa có đủ tiền mua và hẹn đến cuối tháng mới mua. Gọi điện xong, D nói với A người mua chưa có đủ tiền và hẹn đến cuối tháng mới đủ tiền mua. Nghe D nói như vậy A bảo sẽ mang hồng phiến đi bán cho người khác, đồng thời A gọi điện cho B bảo đến cổng trường Đại học Tây Bắc đón. Sau đó B điều khiển xe máy BKS 26N1 - 032.32 chở A đi được một đoạn thì bị tổ công tác Công an thành phố S phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ ma túy.

Về nguồn gốc 81,20 gam Methamphetamine, bị can Vàng A C khai ngày 22/7/2020, C lấy xe máy của Lò Văn A đi đổi lấy 05 gói hồng phiến của người đàn ông dân tộc Mông tên L không biết họ và địa chỉ cụ thể (ở bên Lào), do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án.

Đối với người phụ nữ có tên zalo HL ở tổ 9 phường QT, thành phố S là người mua hồng phiến của Phạm Như D, kết quả điều tra xác minh tại địa chỉ trên có một người phụ nữ tên Hoàng Thị L, sinh ngày 24/5/1974, đến sinh sống từ tháng 06/2020 đến 08/2020, bỏ đi đâu gia đình và chính quyền địa A không biết. Cơ quan điều tra đã thu thập ảnh của Hoàng Thị L cho bị can D nhận dạng, kết quả bị can không dạng được ảnh của Hoàng Thị L, ngoài lời khai của bị can

ra không có chứng cứ nào khác, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

Do có hành vi nêu trên, tại cáo trạng số 113/CT-VKS-P1 ngày 05/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C, Phạm Như D về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C, Phạm Như D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C, Phạm Như D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

+ Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn A từ 18 đến 19 năm tù.

+ Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn B từ 17 đến 18 năm tù.

+ Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phàng Lao C từ 17 đến 18 năm tù.

+ Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Như D từ 15 đến 16 năm tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

+ Vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn A: Nhất trí về tội danh, Điều luật Viện kiểm sát truy tố và đánh giá, nhân định về vai trò, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo A. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt dưới mức đề nghị của Kiểm sát viên.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hà Văn B: Nhất trí về tội danh, Điều luật Viện kiểm sát truy tố và đánh giá, nhân định về vai trò, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo B. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt đối với bị cáo B từ 15 đến 16 năm tù.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phàng Lao C: Nhất trí về tội danh, Điều luật Viện kiểm sát truy tố và đánh giá, nhân định về vai trò, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo

C. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, có nhân thân tốt nên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 15 năm tù.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Như D gửi Hội đồng xét xử bài bào chữa cho bị cáo với nội dung: Nhất trí về tội danh, Điều luật Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo D. Đề nghị xem xét vai trò của bị cáo trong đồng phạm và tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo, đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

- Các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C, Phạm Như D nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phàng Lao E xác định chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Wave, BKS 26N1-032.32 l thu giữ trong vụ án là tài sản hợp pháp của anh Phàng Lao E. Anh không biết việc bị cáo B mượn chiếc xe trên của anh để thực hiện hành vi phạm tội. Anh Phàng Lao E đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong quá trình điều tra; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người bào chữa cho bị cáo Phạm Như D có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa và gửi bài bào chữa cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo D đồng ý với đơn đề nghị của Luật sư và đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

[3] Về hành vi phạm tội:

[3.1] Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C, Phạm Như D khai nhận các bị cáo đều nhận thức, biết được mọi hành vi liên quan đến chất ma túy đều bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì háms lợi nên các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi mua bán ma túy, cụ thể như sau:

Ngày 19/7/2020, Lò Văn A do muốn kiếm lời bất chính nên đã liên lạc với Phạm Như D đặt vấn đề tìm người mua hồng phiến để bán. Sau khi được D thông báo về việc tìm được người mua hồng phiến, ngày 21/7/2020, Lò Văn A đã rủ Hà Văn B cùng đi tìm mua ma túy về bán kiếm lời. A và B đã đến nhà

Phàng Lao C thuê C đem chiếc xe máy của A đi đổi ma túy, trả công cho C 1.000.000đ. Phàng Lao C đem chiếc xe của Lò Văn A đi đổi được 05 túi hồng phiến (81,20 gam Methamphetamine). Sau khi đổi được ma túy A và B vận chuyển ma túy đến thành phố S; A tiếp tục liên hệ, trao đổi và được Phạm Như D đón, liên hệ với người mua ma túy nhưng việc mua bán không thành; Trên đường tiếp tục vận chuyển ma túy đi bán thì A và B bị phát hiện bắt quả tang cùng ma túy.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lò Văn A, Hà Văn B lập hồi 00 giờ 50 phút ngày 23/7/2020 tại Tổ 3, phường QT, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vật chứng thu giữ do Hà Văn B tự giác lấy từ trong túi quần đang mặc ra giao nộp: 05 túi nilon màu xanh dương bên trong chứa các viên nén dạng hình tròn, màu hồng. A, B khai là ma túy (Hồng phiến) đem bán cho một người đàn ông tên D.

- Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 23/7/2020 tại bản PK 1, xã CT, huyện YC, tỉnh Sơn La đối với Phàng Lao C; Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Như D lập hồi 06 giờ 00 phút, ngày 07/12/2020 tại Tổ 3, phường CS, thành phố S, tỉnh Sơn La.

- Kết luận giám định số 1224 ngày 24/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu từ PT1 đến PT5 là chất ma túy; loại Methamphetamine. Tổng khối lượng mẫu gửi giám định là 2,52 gam; Tổng khối lượng ma túy thu giữ 81,20 gam, loại Methamphetamine*”.

- Biên bản kiểm tra thông tin trong điện thoại của Lò Văn A Hà Văn B và Báo cáo chi tiết liên lạc của thuê bao đăng ký tên Phạm Như D: Thể hiện các cuộc liên lạc giữa Lò Văn A và Hà Văn B của Lò Văn A và Phạm Như D (các bị cáo khai nhận liên lạc trao đổi mua bán ma túy).

- Biên bản khám xét nơi ở của Phàng Lao C. Vật chứng thu giữ: 01 biển kiểm soát 26D1-205.96. C khai là biển kiểm soát của chiếc xe máy nhãn hiệu Exciter của Lò Văn A.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo về thời gian, địa điểm và diễn biến hành vi tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C, Phạm Như D đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Ngoài lần mua bán ma túy trên, Phạm Như D còn khai nhận đã 02 lần đến nhà người phụ nữ tên HL để mua từ 01 đến 02 viên hồng phiến để sử dụng. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định Phạm Như D đã sử dụng hết số ma túy, không thu giữ được vật chứng. Ngoài lời khai của bị cáo, không còn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó không quy kết, xử lý đối với hành vi trên của bị cáo Phạm Như D.

[4] Về khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C, Phạm Như D thực hiện hành vi mua bán trái phép 81,20 gam Methamphetamine, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Heroine, Cocaine, Methamphetamine ... có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; khung hình phạt có mức hình phạt tù từ 15 đến 20 năm - thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm TR.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, xét thấy các bị cáo không có tiền, tài sản có giá trị cao, vì vậy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và các Luật sư bào chữa cho các bị cáo không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[6] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Bị cáo Lò Văn A là người khởi xướng, rủ Hà Văn B cùng phạm tội, trực tiếp liên hệ với Phạm Như D để tìm người mua ma túy, trực tiếp trao đổi thỏa thuận giá cả. Chuẩn bị A tiền, tài sản để phục vụ hành vi mua bán ma túy, giữ vai trò chính trong vụ án.

- Bị cáo Hà Văn B tiếp nhận ý chí của Lò Văn A, cùng thỏa thuận việc tìm mua ma túy về bán kiếm lời, tìm người có khả năng đổi được ma túy, trực tiếp cùng A tìm mua ma túy, vận chuyển ma túy, đem bán ma túy. Giữ vai trò đồng phạm thực hành trong vụ án.

- Bị cáo Phàng Lao C tiếp nhận ý chí của Hà Văn B và Lò Văn A, nhận lời B và A, lấy xe máy của A đi tìm, đổi được ma túy về giao cho B, A. Mục đích nhằm hưởng tiền công 01 triệu đồng. Giữ vai trò đồng phạm thực hành trong vụ án.

- Bị cáo Phạm Như D tiếp nhận ý chí của Lò Văn A, tìm kiếm người mua ma túy, trực tiếp trao đổi, báo giá ma túy nhằm hưởng lợi số tiền 500.000đ/ 01 túi ma túy. Là trung gian trong việc mua bán ma túy của A và người mua. Giữ vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm TR, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mang tính nguy hiểm cao, gây nguy hại lớn cho xã hội, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và các tội phạm khác nhưng chỉ vì hám lợi trước mắt mà thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo và đảm

bảo tính giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7.1] Nhân thân: Các bị cáo Lò Văn A, Phạm Như D có nhân thân xấu, từng bị xử phạt về hành vi phạm tội khác.

Các bị cáo Hà Văn B, Phàng Lao C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7.2] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Phạm Như D đã bị kết án về một tội phạm rất nghiêm TR, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm TR do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7.3] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C, Phạm Như D thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện tội phạm, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Phạm Như D, Phàng Lao C có thân nhân là người có công với cách mạng - là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lò Văn A, Phạm Như D, Hà Văn B, Phàng Lao C là đồng phạm trong việc thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự, trên cơ sở đánh giá mức độ tham gia, vai trò của các bị cáo trong vụ án để xem xét lượng hình với từng bị cáo.

[8] Đối với đối tượng các đối tượng khác trong vụ án:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông Lào tên L - người trao đổi, mua bán ma túy với Phàng Lao C, bị cáo C không biết họ và địa chỉ cụ thể, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án.

Đối với người phụ nữ có tên zalo HL ở tổ 9 phường QT, thành phố S – D khai là người mua hồng phiến trong vụ án, kết quả điều tra xác minh tại địa chỉ trên có một người phụ nữ tên Hoàng Thị L, sinh ngày 24/5/1974, đến sinh sống từ tháng 06/2020 đến 08/2020, bỏ đi đâu gia đình và chính quyền địa A không biết. Cơ quan điều tra đã thu thập ảnh của Hoàng Thị L cho bị can D nhận dạng, kết quả bị can không dạng được ảnh của Hoàng Thị L, ngoài lời khai của bị can ra không có chứng cứ nào khác, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 78,67 gam Methamphetamine còn lại sau khi đã trích rút lấy mẫu gửi giám định thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy cùng với 01 vỏ gói niêm phong ban đầu, 05 vỏ túi nilon; 01 biển kiểm soát 26D1-205.96 và 01 que thử ma túy.

Đối 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của Lò Văn A và Hà Văn B, Phạm Như D là A tiện các bị cáo sử dụng phục vụ hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA loại xe WAVE biển kiểm soát 26N1-032.32 thu giữ trong vụ án, được xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Phàng Lao E. Anh Phàng Lao E không biết việc bị cáo B mượn chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần trả lại chiếc xe trên cho anh Phàng Lao E.

[9] Về án phí: Các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phạm Như D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Bị cáo Phàng Lao C thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phàng Lao C;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Như D;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C, Phạm Như D phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lò Văn A 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù;
- Xử phạt bị cáo Hà Văn B 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù;
- Xử phạt bị cáo Phàng Lao C 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phàng Lao C tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 23/7/2020).

- Xử phạt bị cáo Phạm Như D 15 (mười năm) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 07/12/2020).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,

c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 78,67 gam Methamphetamine còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định + 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 05 vỏ túi nilon màu xanh được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì do Công an thành phố S phát hành, còn nguyên niêm phong;

+ 01 (một) que thử ma túy đối với Phạm Như D, ngày 07.12.2020, được đựng trong 01 (một) chiếc phong bì do Bureau phát hành, còn nguyên niêm phong;

+ 01 (một) Chiếc biển kiểm soát 26D1 -205.96, đã qua sử dụng, thu giữ khi khám xét chỗ ở của Phòng Lao C.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) chiếc điện thoại màu đen xám nhãn hiệu NOKIA loại 1280 (điện thoại bàn phím), imei có 03 số cuối 19/4; kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng, thu giữ của Lò Văn A.

+ 01 (một) chiếc điện thoại màu đen nhãn hiệu NOKIA (điện thoại bàn phím), có 02 imei và 04 số cuối: imei 1: 4288; imei 2: 4296, kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng, thu giữ của Hà Văn B.

+ 01 (một) chiếc điện thoại màu đen nhãn hiệu ITTEL (điện thoại bàn phím), có 02 imei và 04 số cuối: imei 1: 0961; imei: 0979; kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng, thu giữ của Phạm Như D.

- Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng Lao E: 01 (một) Chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA loại xe WAVE màu đen - bạc, có biển kiểm soát 26N1-032.32, xe có số khung RLHHC1214DY767363; số máy HC12E-5767430, yếm xe bên trái bị vỡ, xe không có gương chiếu hậu, có 01 chìa khóa xe, xe đã qua sử dụng, thu giữ Hà Văn B.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Buộc các bị cáo Lò Văn A, Hà Văn B, Phạm Như D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phòng Lao C.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/7/2021).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Luật sư;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

Quản Hữu Chiến